

Ea Khlă, ngày 13 tháng 8 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH**

(V/v phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2026-2027)

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT VÕ VĂN KIẾT**

Căn cứ Thông tư số: 15/2026/TT-BGDĐT ngày 26/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường trung học có nhiều cấp học;

Căn cứ quy chế dân chủ trong trường học theo QĐ số 04/2000/QĐ-BGDĐT, ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của nhà trường năm học 2026-2027 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk;

Căn cứ vào trình độ, năng lực chuyên môn, năng lực quản lí, phẩm chất đạo đức cán bộ và theo đề nghị của Hiệu trưởng trường THPT Võ Văn Kiệt.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Nay phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2026-2027 đối với các ông (bà) (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Thời gian giữ công tác giáo viên chủ nhiệm được tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2026 đến 15 tháng 8 năm 2027. Quyền hạn và nhiệm vụ thực hiện theo Thông tư số: 15/2026/TT-BGDĐT ngày 26/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường trung học có nhiều cấp học và các văn bản hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

**Điều 3.** Ban lãnh đạo nhà trường, các đoàn thể, các phòng ban bộ phận, đơn vị liên quan, tất cả các thành viên có tên ở điều 1, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

- Như điều 3 ;
- Lưu VT, CM.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Đình Thao**



## **DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM NĂM HỌC 2026-2027**

(Sẽm theo quyết định 218 /QĐ-VVK ngày 13 tháng 8 năm 2026)

| TT | Họ và tên             | Lớp   | Chuyên môn | Năm vào nghề | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------|------------|--------------|---------|
| 1  | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 10a1  | Sinh       |              |         |
| 2  | Hồ Tường Vi           | 10a2  | Hóa        |              |         |
| 3  | Trần Đức Hoàng        | 10a3  | Sinh       |              |         |
| 4  | Bùi Thị Ngọc Lan      | 10a4  | Toán       |              |         |
| 5  | Đặng Văn Dũng         | 10a5  | Lý         |              |         |
| 6  | Tô Thị Mỹ Hạnh        | 10a6  | Tiếng Anh  |              |         |
| 7  | Nguyễn Thị Thu Thảo   | 10a7  | Hóa        |              |         |
| 8  | Lưu Triệu Châu        | 10a8  | Văn        |              |         |
| 9  | Hoàng Thị Thanh Giang | 10a9  | Lý         |              |         |
| 10 | Thái Hiền An          | 10a10 | Địa        |              |         |
| 11 | H' Bin Bkrông         | 11a1  | KTPL       |              |         |
| 12 | Lương Thị Hải         | 11A2  | Sử         |              |         |
| 13 | Lý Thị Phương Loan    | 11a3  | Tiếng Anh  |              |         |
| 14 | Thái Thị Hạnh         | 11a4  | Văn        |              |         |
| 15 | Lê Anh Vân            | 11a5  | Tiếng Anh  |              |         |
| 16 | Dương Thị Nga         | 11a6  | Văn        |              |         |
| 17 | Đặng Thị Thanh Tâm    | 11a7  | Tiếng Anh  |              |         |
| 18 | Phạm Thị Thùy         | 11a8  | Sử         |              |         |
| 19 | Huỳnh Thị Anh Chi     | 11a9  | Tiếng Anh  |              |         |
| 20 | Võ Hồ Thu Thủy        | 12a1  | Sinh       |              |         |
| 21 | Võ Đình Tài           | 12a2  | Lý         |              |         |
| 22 | Lê Thị Tân            | 12a3  | Toán       |              |         |
| 23 | Trần Trung Hiếu       | 12a4  | Toán       |              |         |
| 24 | Dương Thị Kim Hoa     | 12a5  | Hóa        |              |         |
| 25 | Đỗ Hồng Phương        | 12a6  | Hóa        |              |         |
| 26 | Hồ Thị Tho            | 12a7  | Địa        |              |         |
| 27 | Đặng Đức Công         | 12a8  | Địa        |              |         |
| 28 | Huỳnh Thị Bích Tuyền  | 12a9  | Tiếng Anh  |              |         |
| 29 | Trần Thị Thanh Loan   | 12a10 | Tiếng Anh  |              |         |